Signature Not Verified
Được ký bởi HÀ THỊ HỢP
Ngày ký: 26.01.2015 14:32

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Số 03 /NQ-KMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
V/v họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý IV/2014

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HOÁ LỎNG MIỀN NAM

- Căn cứ luật doanh nghiệp 2005 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ QĐ số 3734/QĐ-BCN ngày 20/12/2006 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam (PV Gas South);
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty PV Gas South,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua kết quả SXKD năm 2014 và Kế hoạch SXKD năm 2015, cụ thể như sau:

1) Kết quả SXKD năm 2014:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2014		
			KH năm 2014	TH cả năm 2014	% TH/KH
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3 = 2/1*
I	**Chỉ tiêu sản lượng**				
1	**Khí nén CNG hợp nhất**	**M^3**	**138,960,000**	**159,338,585**	**114.7%**
1.1	**PVGas South**	**M^3**	**68,960,000**	**84,712,243**	**122.8%**
1.2	**CNG Việt Nam**	**M^3**	**70,000,000**	**74,626,242**	**106.6%**
2	**Khí hóa lỏng LPG**	**Tấn**	**213,000**	**236,694**	**111.1%**
3	**Bình khí**				
3.1	**Vỏ bình làm mới**	**vỏ**	**200,000**	**294,259**	**147.1%**
3.2	**Vỏ bình bảo dưỡng**	**vỏ**	**180,000**	**183,503**	**101.9%**

4	**Xăng dầu**	**Lít**	**3,800,000**	**4,231,742**	**111.4%**
II	**Chỉ tiêu tài chính**				
II.A	**PV Gas South hợp nhất**				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6,708.15	7,508.04	111.9%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	191.59	242.16	126.4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	163.70	187.93	114.8%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	130.40	197.41	151.4%
II.B	**PV Gas South**				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5,858.55	6,467.57	110.4%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	117.63	179.42	152.5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	100.58	138.92	138.1%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	94.30	112.92	119.7%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12.00	12.00	100.0%
II.C	**CNG VN**				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,006.74	1,101.09	109.4%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	122.00	129.46	106.1%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	110.00	112.64	100.2%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	36.10	85.00	235.5%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	35.00	35.00	100.0%
III	**Đầu tư và xây dựng**				
1	**Giá trị giải ngân**	**Tỷ đồng**	**246.93**	**222.37**	**90.1%**
-	XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	162.93	141.38	86.8%
-	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	84.00	80.99	96.4%
2	**Nguồn vốn**	**Tỷ đồng**	**246.93**	**222.37**	**90.1%**
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	78.42	72.42	92.3%
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	168.51	149.95	89.0%

2) Kế hoạch SXKD năm 2015:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015
A	*B*	*C*	*D*
I	**Chỉ tiêu sản lượng**		
1	**Khí nén CNG hợp nhất**	**M^3**	**150,000,000**
1.1	**PVGas South**	**M^3**	**75,000,000**
1.2	**CNG Việt Nam**	**M^3**	**75,000,000**
2	**Khí hóa lỏng LPG**	**Tấn**	**219,000**
3	**Bình khí**		
3.1	**Vỏ bình làm mới**	**vỏ**	**340,000**
3.2	**Vỏ bình bảo dưỡng**	**vỏ**	**180,000**
4	**Xăng dầu**	**Lít**	**3,900,000**
II	**Đầu tư và xây dựng** (Chi tiết như phụ lục đính kèm)		
1	**Giá trị giải ngân**	**Tỷ đồng**	**158.82**
-	XDCB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	78.82
-	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	80.00
2	**Nguồn vốn**	**Tỷ đồng**	**158.82**
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	52.55
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	106.27

Điều 2: Thông qua việc tiếp tục tăng cường công tác an ninh, an toàn, PCCN trong toàn Công ty.

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng các Phòng/Đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Đỗ Tấn

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	KÝ TÊN
Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT kiêm GĐ	
Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	
Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT	
Hà Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	

Phụ lục 1 : KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2015 CỦA PVGAS SOUTH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03 /NQ-KMN ngày 26 tháng 01 năm 2015)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian		Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt				Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu dự án đến 31/12/2014			Kế hoạch năm 2015				Mục tiêu/Công việc thực hiện
			KC	HT		Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư				Trong đó		Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			
							Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay+khác		Tổng số	Trong đó		
								Vốn CSH	Vốn vay+khác						Vốn CSH	Vốn vay+khác	
	TỔNG SỐ				**Tỷ Đ**		**270.17**	**85.95**	**184.22**	**59.55**	**17.87**	**41.69**	**168.00**	**158.82**	**52.55**	**106.27**	
A	**DỰ ÁN NHÓM C**				**Tỷ Đ**		**183.17**	**54.95**	**128.22**	**59.55**	**17.87**	**41.69**	**81.00**	**71.82**	**21.55**	**50.27**	
I	DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH				Tỷ Đ		66.17	19.85	46.32	59.55	17.87	41.69	0.00	6.62	1.99	4.63	
1	Di dời nhà máy bình khí dầu khí	Đồng Nai	QII/14	QIV/14	Tỷ Đ	KMN	66.17	19.85	46.32	59.55	17.87	41.69	0.00	6.62	1.99	4.63	Hoàn thành thanh quyết toán
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						117.00	35.10	81.90	0.00	0.00	0.00	81.00	65.20	19.56	45.64	
1	Di dời kho chứa và trạm chiết LPG của VT Gas tại cảng Đồng Nai	Đồng Nai	QIII/15	QIV/16	Tỷ Đ	KMN	72.00	21.60	50.40	0.00	0.00	0.00	36.00	25.20	7.56	17.64	Phê duyệt DAĐT; Hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng; ký kết và bắt đầu thực hiện hợp đồng các gói thầu
2	Di dời trạm chiết LPG tại Nha Trang và Daklak	Nha trang, Daklak	QI/15	QIV/15	Tỷ Đ	KMN	25.00	7.50	17.50	0.00	0.00	0.00	25.00	25.00	7.50	17.50	Hoàn thành DA, đưa vào sử dụng
3	Di dời, nâng cấp, mở rộng các kho, trạm LPG, CNG...	KMN và các công ty, chi nhánh	QI/15	QIV/15	Tỷ Đ	KMN	20.00	6.00	14.00	0.00	0.00	0.00	20.00	15.00	4.50	10.50	Hoàn thành DA, đưa vào sử dụng
III	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																
1	1 trạm chiết LPG (đầu tư mới)	Cà Mau	QIII/15	QIV/16	Tỷ Đ	KMN											Phê duyệt DAĐT
B	**MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ**				**Tỷ Đ**		**7.00**	**7.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**7.00**	**7.00**	**7.00**	**0.00**	
1	Trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của PV Gas South và các chi nhánh (cân nạp LPG, máy phát điện, máy biến áp, bơm cứu hỏa, máy bắn bi,...)	KMN và các công ty, chi nhánh		QIV/15	Tỷ Đ	KMN	6.00	6.00	0.00	0.00	0.00	0.00	6.00	6.00	6.00	0.00	Hoàn thành mua sắm
2	Trang thiết bị văn phòng khác (máy vi tính, máy phô tô,...)			QIV/15	Tỷ Đ	KMN	1.00	1.00	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	1.00	1.00	0.00	Hoàn thành mua sắm
C	**ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**						**80.00**	**24.00**	**56.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**80.00**	**80.00**	**24.00**	**56.00**	
1	Mua 2 công ty kinh doanh LPG			QIV/15	Tỷ Đ	KMN	80.00	24.00	56.00	0.00	0.00	0.00	80.00	80.00	24.00	56.00	Hoàn thành mua 2 công ty kinh doanh LPG